TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 311/2024/DS-ST
Ngày: 30-7-2024
V/v tranh chấp: hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Ngọc Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Cẩm Hồng.
2. Ông Trần Đoàn Lĩnh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lương Huỳnh Phúc Tài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa: không tham gia.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 130/2024/TLST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2024 về "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2024/QĐXXST-DS ngày 01/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 120/2024/QĐST-DS ngày 17/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Ngọc L**, sinh năm 1969.

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: Chị Trần Thị Kim P, sinh năm 1987.

Địa chỉ: khu phố 3, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Trúc T**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp L, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(Chị P xin vắng mặt, chị T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn trình bày:*

Chị T có tham gia hụi do bà L làm chủ hụi, cụ thể chị T tham gia dây hụi mở ngày 20/4/2022 âm lịch, loại hụi 10.000.000 đồng/tháng, có 20 phần, chị T tham gia 01 phần, chị T hốt ở kỳ hụi thứ tám, hốt được số tiền 149.800.000 đồng. Sau khi hốt hụi, chị T đóng được 34.000.000 đồng tiền hụi chết, còn nợ lại 76.000.000 đồng. Sau đó, chị T có trả tiếp được 6.500.000 đồng nên hiện chị T còn nợ lại bà L số tiền hụi chết phải đóng là 69.500.000 đồng. Hụi đã mãn vào ngày 20/8/2023 âm lịch (có tính 02 tháng nhuần). Do đó, bà L khởi kiện yêu cầu chị T trả số tiền 69.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, thực hiện trả khi án có hiệu lực pháp luật.

* *Tại bản tự khai và trong quá trình tố tụng bị đơn trình bày:* chị T có tham gia chơi hụi do bà L làm chủ như bà L trình bày. Chị T còn nợ bà L 76.000.000 đồng tiền hụi chết. Giữa chị với bà L có thỏa thuận là bà L cho chị trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng, chị có trả bà L nhiều lần tiền nhưng không rõ trả bao nhiêu tiền, khi trả tiền chị có ký nhận trong cuốn sổ theo dõi của bà L giữ. Chị yêu cầu bà L cung cấp cuốn sổ theo dõi mà bà L đang giữ để đối chiếu nợ. Sau khi đối chiếu, xác định chị còn nơ bà L bao nhiêu tiền thì chị đồng ý trả bà L bấy nhiêu và chị trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng, do trước đó giữa chị với bà L có thỏa thuận bà L cho chị trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Tại phiên tòa:

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, trong cuốn sổ theo dõi việc chị T trả tiền cho bà L thì chị T đã trả được tổng số tiền 6.500.000 đồng nên chị T còn nợ bà L 69.500.000 đồng. Do đó, bà L yêu cầu chị T trả 69.500.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tính tiền lãi. Riêng đối với những dòng chữ và số đã bị gạch bỏ, đại diện ủy quyền của nguyên đơn xác định là do bị đơn tự gạch bỏ, nguyên đơn chỉ giữ cuốn sổ chứ không gạch bỏ nội dung nào trong sổ.

Bị đơn không đồng ý với nội dung cuốn sổ theo dõi việc chị trả tiền mà bà L cung cấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: bà L khởi kiện yêu cầu chị T trả tiền góp hụi nên Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp "Hợp đồng góp hụi" được xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự; bị đơn có nơi cư trú tại huyện Gò Công Tây nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: bà L yêu cầu chị T trả số tiền hụi mà chị T còn nợ là 69.500.000 đồng.

Cả bà L và chị T cùng xác định giữa bà L và chị T có xác lập hợp đồng góp hụi, ngày 17/7/2023, hai bên cũng đã thống nhất đối chiếu số tiền mà chị T còn nợ bà L là

76.000.000 đồng. Do đó, có đủ cơ sở để xác định giữa bà L với T đã xác lập hợp đồng góp hụi theo quy định tại 471 Bộ luật dân sự năm 2015.

Chị T cho rằng chị đã trả được cho bà L 16 đến 17 lần là khoảng 16 17 triệu đồng, mỗi lần trả chị đều có ký nhận trong một cuốn sổ theo dõi của bà L. Ngoài cuốn sổ này ra thì chị không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh là chị đã trả cho bà L được mười sáu mười bảy triệu. Tuy nhiên, cuốn sổ mà bà L cung cấp thì chị T trả được tổng cộng 6.500.000 đồng, cụ thể những lần trả như sau:

Ngày 11/9/2023 âm lịch: trả 1.000.000 đồng.

Ngày 10/8: trả 500.000 đồng.

Ngày 14/8: trả 500.000 đồng.

Ngày 27/8/2023 âm lịch trả 500.000 đồng.

Ngày 29/10/2023 trả 1.000.000 đồng.

Ngày 29/11/2023 trả 1.000.000 đồng.

Ngày 29/12/2023 trả 1.000.000 đồng.

Ngày 29/01/2024 âm lịch trả 1.000.000 đồng.

Đồng thời, tại trang ghi chép này có những dòng chữ và số đã bị gạch bỏ, đại diện ủy quyền của nguyên đơn xác định là do bị đơn tự gạch bỏ, nguyên đơn chỉ giữ cuốn sổ chứ không gạch bỏ nội dung nào trong sổ. Bị đơn không đến phiên tòa cũng không gửi văn bản thể hiện ý kiến phản đối. Do đó, bị đơn đã từ bỏ việc chứng minh của mình theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bọ luật tố tụng dân sự.

Trên cơ sở tài liệu, chứng cứ nêu trên, có đủ cơ sở xác định tổng số tiền chị T trả được ghi chép lại tại cuốn sổ theo dõi này là 6.500.000 đồng. Việc chị T cho rằng chị đã trả được mười sáu mười bảy triệu là không đúng với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, chị T còn nợ bà L số tiền 69.500.000 đồng.

Hụi đã mãn vào ngày 20/8/2023 âm lịch, bà L đồng ý cho chị T trả mỗi tháng 1.000.000 đồng nhưng chị T thực hiện không đầy đủ là chị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên có nghĩa vụ làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà L. Bà L khởi kiện yêu cầu chị T trả số tiền hụi còn nợ 69.500.000 đồng là phù hợp với Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ qui định về hụi, họ, biêu, phường nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về tiền lãi: bà L không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về thời gian trả: bà L yêu cầu chị T trả tiền ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét yêu cầu của bà L là có cơ sở vì số tiền này chị T để kéo dài không trả, đã ảnh hưởng đến quyền lợi của bà L.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của bà L được chấp nhận nên chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 228, Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 471, 280, 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ qui định về hụi, họ, biêu, phường;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Ngọc L.

Buộc chị Nguyễn Thị Trúc T có trách nhiệm trả bà Trần Ngọc L số tiền 69.500.000 (sáu mươi chín triệu năm trăm ngàn) đồng. Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị Trúc T phải chịu 3.475.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại bà Trần Ngọc L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.900.000 đồng theo biên lai số 0009407 ngày 23/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây.

3. Quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- THA.DS huyện Gò Công Tây
- Các đương sự.
- Lưu: hồ sơ, án văn.

Phan Thị Ngọc Ngân